

## LISTENING WORKSHEET – FILL IN THE BLANKS

Name: \_\_\_\_\_ Class: \_\_\_\_\_

Succeed KET – Test 7 – Part 5

**You will hear Sophia talking to her friend about the presents that she got on her birthday. What did each person give her?**

**B:** Did you have fun at your party Sophia?

👉 Bạn có vui ở bữa tiệc không Sophia?

**G:** Yes, I got so many great \_\_\_\_\_. I got this \_\_\_\_\_ from my mum. She knew I had trouble \_\_\_\_\_ on my old computer.

👉 Có chứ, mình nhận được rất nhiều món quà tuyệt vời. Mẹ tặng mình cái bàn phím này. Mẹ biết mình gặp khó khăn khi gõ trên chiếc máy tính cũ.

**B:** What did your Dad get you?

👉 Bố bạn tặng bạn gì?

**G:** He \_\_\_\_\_ me this. Now I can \_\_\_\_\_ and \_\_\_\_\_ all my friends.

👉 Bố mua cho mình cái này. Giờ mình có thể gọi điện và nhắn tin cho bạn bè.

**B:** That's great but I thought you wanted a new \_\_\_\_\_.

👉 Tuyệt thật nhưng mình tưởng bạn muốn mua laptop mới.

**G:** I did, but what my \_\_\_\_\_ got me is even better. I can now \_\_\_\_\_ my new \_\_\_\_\_ around more easily.

👉 Đúng vậy, nhưng món quà ông tặng còn tuyệt hơn. Giờ mình có thể mang theo máy tính bảng mới dễ dàng hơn.

**B:** What about your sister? She was thinking about \_\_\_\_\_ you up for music lessons.

👉 Còn chị/em gái bạn thì sao? Cô ấy định đăng ký cho bạn học nhạc mà.

**G:** I know but she \_\_\_\_\_ for us to see our favourite \_\_\_\_\_ live.

👉 Mình biết, nhưng cô ấy đã sắp xếp cho chúng mình đi xem ca sĩ yêu thích biểu diễn trực tiếp.

**B:** And what did Lucas get you?

👉 Còn Lucas tặng bạn gì?

**G:** This lovely \_\_\_\_\_ heart to wear around my \_\_\_\_\_.

👉 Một chiếc mặt dây chuyền hình trái tim màu vàng rất đẹp để đeo ở cổ.

**B:** Oh, it's pretty. And it \_\_\_\_\_ your aunt's present.

👉 Ôi, đẹp thật. Nó còn hợp với món quà của cô bạn nữa.

**G:** Yeah, it does. Oh... I think I should \_\_\_\_\_ it on my \_\_\_\_\_ finger.

👉 Ừ đúng vậy. À... mình nghĩ mình nên thử đeo nó vào ngón tay giữa.